

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17/7/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp BL 1, xã BT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp BL 1, xã BT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà N, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông Đ tự tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2001 tại xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà bất đồng quan điểm về nhiều mặt. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, xung đột mâu thuẫn với nhau ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được, đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên Dương Văn D sinh ngày 01/5/2005; Dương Thị Ngọc D sinh ngày 08/02/2008; Dương Thị Ngọc B sinh ngày 19/9/2013. Hiện tại, các con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà N về thời gian cưới, quá trình hôn nhân, con chung và tài sản chung. Mâu thuẫn vợ chồng ông phát sinh do bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được.

Quan hệ con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung như bà N trình bày. Hiện nay, các con đang sống với bà N. Khi ly ông đồng ý giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị không công nhận bà N, ông Đ là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Giao 03 con chung của bà N, ông Đ cho bà N nuôi dưỡng. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Đ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng bà N không còn quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà N và ông Đ không giải quyết được mâu thuẫn. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Xét thấy: Theo công văn số 94/UBND-TP ngày 19/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã HM, thị xã TS, tỉnh BN và đơn xác nhận ngày 01/4/2019 của ông Đ có Ủy ban xã HM xác định bà N và ông Đ không có đăng ký kết hôn và không có hồ sơ lưu trữ, thông tin đăng ký kết hôn của bà N, ông Đ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Mọi quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ không được pháp luật công nhận. Do đó, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn giữa bà N và ông Đ pháp luật không công nhận bà N và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Bà N và ông Đ thống nhất có 03 con chung tên Dương Văn D sinh ngày 01/5/2005; Dương Thị Ngọc D sinh ngày 08/02/2008; Dương Thị Ngọc B sinh ngày 19/9/2013. Khi ly hôn, bà N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Dương Văn Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn Đ là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao 03 con chung tên Dương Văn D sinh ngày 01/5/2005; Dương Thị Ngọc D sinh ngày 08/02/2008; Dương Thị Ngọc B sinh ngày 19/9/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Dương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Dương Văn Đ được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004601, ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị N không phải nộp thêm. Ông Dương Văn Đ không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã HM
- UBND xã BT ;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng